

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

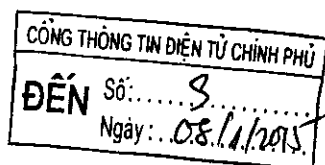
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **56** /2014/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **31** tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Hà Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1988/TTr-STC ngày 25 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam, như sau:

1. Khu vực thành phố Phủ Lý: 1,3 %
2. Khu vực các thị trấn; Khu vực các đường giao thông Quốc lộ: 1,2 %.
3. Khu vực các đường giao thông Tỉnh lộ: 1,1 %
4. Khu vực còn lại (ngoài khu vực quy định tại mục 1,2,3,): 1,0 %
5. Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản: 1,0 %.
6. Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:
 - 6.1. Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đầu tư hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất: 1 %
 - 6.2. Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thu tiền đầu tư hạ tầng của các đối tượng thuê đất:

Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất: 0,5 %

6.3. Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp doanh nghiệp tự đầu tư hạ tầng.

Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất: 0,5 %

7. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật:

Đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư trên địa bàn huyện Thanh Liêm và Lý Nhân áp dụng tỷ lệ 0,5%.

Đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư trên địa bàn các khu vực còn lại áp dụng tỷ lệ 0,75%.

Điều 2: Xác định đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm.

1) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (*không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất*) theo quy định Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền, thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

2) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3: Xác định đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai.

Đơn giá thuê đất có mặt nước được xác định như sau:

a) Đối với phần diện tích đất không có mặt nước, xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.

b) Đối với phần diện tích đất có mặt nước sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thì đơn giá thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 4. Căn cứ giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất quy định tại quyết định này, Cục trưởng Cục thuế quyết định đơn giá thuê đất đối với tổ chức người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chi cục trưởng Chi cục thuế xác định đơn giá thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Những nội dung khác liên quan đến việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế Quyết định Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Hà Nam về việc quy định đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục thuế các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..22

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy (để b/cáo);
- TTHĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- VPUB: LĐVP, các CV liên quan;
- Lưu: VT, KTTH.

QĐ 01/2014

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông